

THÔNG TƯ

Quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa.
2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa.

Điều 2. Vị trí và chức năng của Cảng vụ đường thủy nội địa

1. Cảng vụ đường thủy nội địa là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa nhằm bảo đảm việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và bảo vệ môi trường.

2. Cảng vụ đường thủy nội địa có tư cách pháp nhân, có trụ sở riêng, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Chương II

PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Phạm vi quản lý

1. Phạm vi quản lý của Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam bao gồm các cảng, bến thủy nội địa sau đây (trừ bến khách ngang sông):

- a) Cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia;
- b) Cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng trên địa giới nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- c) Cảng, bến thủy nội địa có vùng đất, vùng nước vừa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia vừa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương hoặc cảng, bến thủy nội địa có vùng đất, vùng nước vừa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia vừa trên vùng nước cảng biển;
- d) Cảng, bến thủy nội địa khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

2. Phạm vi quản lý của Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải bao gồm các cảng, bến thủy nội địa sau đây:

- a) Cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương;
- b) Cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương;
- c) Cảng, bến thủy nội địa khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Quy định nơi neo đậu cho phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

2. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển; kiểm tra giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và người lái phương tiện; cấp phép cho phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển ra, vào cảng, bến thủy nội địa.

3. Không cho phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển ra, vào cảng, bến thủy nội địa khi cảng, bến hoặc phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển không bảo đảm điều kiện an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường hoặc cảng, bến thủy nội địa không đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Tiếp nhận và thông báo tình hình luồng, tuyến cho phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển tại cảng, bến thủy nội địa.

5. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện những quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa.

6. Kiểm tra điều kiện an toàn đối với cảng, bến, luồng, báo hiệu và các công trình khác có liên quan trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa; khi phát hiện có dấu hiệu mất an toàn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý kịp thời.

7. Giám sát việc khai thác, sử dụng cảng, bến bảo đảm an toàn; yêu cầu tổ chức cá nhân khai thác cảng, bến thủy nội địa tạm ngừng khai thác cảng hoặc kiến nghị đình chỉ hoạt động bến khi xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn cho người, phương tiện hoặc công trình.

8. Tổ chức tìm kiếm, cứu người, hàng hóa, phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển bị nạn trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

9. Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực trong khu vực cảng, bến thủy nội địa để tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển trong trường hợp khẩn cấp và xử lý ô nhiễm môi trường trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa.

10. Chủ trì kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại cảng, bến và các phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển hoạt động trong vùng nước Cảng vụ đường thủy nội địa quản lý; tham gia lập biên bản, kết luận nguyên nhân tai nạn, sự cố xảy ra trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa; yêu cầu các bên liên quan khắc phục hậu quả tai nạn.

11. Xử phạt vi phạm hành chính; thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

12. Thẩm định hồ sơ đánh giá an ninh cảng thủy nội địa, thẩm định kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa; thực hiện xác nhận trình báo đường thủy nội địa.

13. Theo dõi, giám sát việc xếp hàng hóa lên phương tiện trong vùng đất, vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

14. Chủ trì, phối hợp hoạt động với các cơ quan quản lý nhà nước khác thực hiện công tác bảo đảm bảo trật tự an toàn giao thông trong khu vực cảng, bến thủy nội địa.

15. Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; tham gia xây dựng quy hoạch phát triển đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa trong phạm vi quản lý khi có yêu cầu.

16. Quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí, định biên được giao và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

17. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.

Chương III

TỔ CHỨC CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 5. Hệ thống tổ chức

1. Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam được tổ chức theo khu vực do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập, giải thể theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

2. Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014, Thông tư này và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chịu sự lãnh đạo trực tiếp và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

3. Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải chịu sự lãnh đạo trực tiếp và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Giao thông vận tải; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.